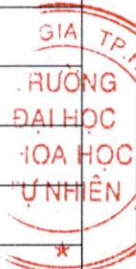


c. Khung chương trình:

| Stt | Mã môn học | Tên môn học | Số tín chỉ | | |
|----------|------------|--|------------|----------|------------|
| | | | Tổng số | LT | TH, TN, TL |
| A | | Phần kiến thức chung | 3 | 3 | 0 |
| 1. | MTR | Triết học | 3 | 3 | 0 |
| 2. | MNN | Ngoại ngữ | | | |
| B | | Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành | | | |
| B.1 | | Môn học bắt buộc (*) | | | |
| 1. | MNC | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 2 | 2 | 0 |
| 2. | MSH030 | Nội tiết học | 3 | 2 | 1 |
| 3. | MSH031 | Y sinh học tái tạo | 3 | 2 | 1 |
| 4. | MSH032 | Các chủ đề trong miễn dịch học | 3 | 2 | 1 |
| 5. | MSH033 | Sinh lý sinh hóa các quá trình trong cơ thể | 3 | 2 | 1 |
| 6. | MSH034 | Thực tập chuyên ngành | 4 | 0 | 4 |
| B.2 | | Môn học tự chọn | | | |
| 1. | MSH035 | Cơ sở phân tử và tế bào của hoạt động của neuron thần kinh | 3 | 2 | 1 |
| 2. | MSH036 | Sinh lý dinh dưỡng | 3 | 2 | 1 |
| 3. | MSH037 | Sinh học phân tử Eukaryote | 3 | 2 | 1 |
| 4. | MSH038 | Genomics ứng dụng trên người và động vật | 3 | 2 | 1 |
| 5. | MSH039 | Công nghệ tế bào gốc và ứng dụng | 3 | 2 | 1 |
| 6. | MSH040 | Proteomics | 3 | 2 | 1 |
| 7. | MSH041 | Sinh lý tập tính | 3 | 2 | 1 |
| 8. | MSH042 | Giải phẫu học động vật | 3 | 2 | 1 |
| 9. | MSH043 | Độc học | 3 | 2 | 1 |
| 10. | MSH044 | Huyết học ứng dụng | 3 | 2 | 1 |
| 11. | MSH045 | Sinh lý trong ung thư | 3 | 2 | 1 |
| 12. | MSH046 | Sinh lý quá trình lão hóa | 3 | 2 | 1 |
| 13. | MSH047 | Mô hình động vật trong nghiên cứu Y sinh | 3 | 2 | 1 |
| 14. | MSH048 | Công nghệ sinh học trong hỗ trợ sinh sản | 3 | 2 | 1 |
| 15. | MSH049 | Công nghệ sinh học trong chăn nuôi và thú y | 3 | 2 | 1 |
| 16. | MSH050 | Công nghệ thực phẩm | 3 | 2 | 1 |
| 17. | MSH051 | Công nghệ sinh học dược | 3 | 2 | 1 |
| 18. | MSH052 | Chuyển gene ở tế bào động vật | 3 | 2 | 1 |



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM

| Stt | Mã môn học | Tên môn học | Số tín chỉ | | |
|----------|------------|---|------------|----|----------|
| | | | Tổng số | LT | TH,TN,TL |
| 19. | MSH058 | Quản trị tài sản trí tuệ và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ | 3 | 2 | 1 |
| 20. | MSH138 | Chẩn đoán phân tử | 3 | 2 | 1 |
| | | NĐT 1 và NĐT 2 | | | |
| 21. | | Môn học tự chọn hay bắt buộc của các ngành thạc sĩ khác thuộc khoa Sinh học – CNSH | ≤ 3 | | |
| | | Môn tự chọn bổ sung cho NĐT 3 | | | |
| 22. | | Môn học tự chọn hay bắt buộc của các ngành thạc sĩ khác thuộc khoa Sinh học – CNSH | ≤ 15 | | |
| C | MLV | Luận văn tốt nghiệp | | | |
| 1 | PT 1 | Luận văn + Bài báo khoa học (*) | 20 | | |
| 2 | PT 2 | Luận văn | 10 | | |
| 3 | PT 3 | Luận văn | 7 | | |

(*) Môn học bắt buộc có thể được chọn làm môn học tự chọn cho các phương thức

() Bài báo khoa học:**

- Trước khi bảo vệ luận văn thạc sĩ học viên phải là tác giả chính (*đứng tên đầu trong nhóm tác giả*) của ít nhất 1 bài báo khoa học công bố nội dung hoặc một phần nội dung nghiên cứu của luận văn. Bài báo phải được đăng hoặc chấp nhận đăng trong các Tạp chí, Kỷ yếu khoa học được tính điểm thuộc danh mục do Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước qui định.

- Bài báo phải có tên Trường đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM là 1 trong các cơ quan chủ quản của học viên, cách trình bày như sau:

Ví dụ: Nguyễn Văn A ^{(1), (2)}

Tên tiếng Việt:

⁽¹⁾ Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM.

⁽²⁾ tên tiếng Việt cơ quan chủ quản khác của học viên

Tên tiếng Anh:

⁽¹⁾ University of Science, Vietnam National University Ho Chi Minh City.

⁽²⁾ tên tiếng Anh cơ quan chủ quản khác của học viên

